

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **114/2021/DS-PT**
Ngày 16-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn;
Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: **138/2021/TLPT-DS** ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phúc thẩm số: 281/2021/QĐ-PT ngày 9 tháng 11 năm 2021 và Thông báo dời phiên tòa phúc thẩm số 162/2021/TB-TA ngày 29 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Mộng L, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà N, ấp K, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Mã Văn S, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà H, ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người kháng cáo: Anh Mã Văn S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2020, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Mộng L trình bày:*

Do quen biết với anh Mã Văn S nên vào ngày 05 tháng 12 năm 2018 chị L có cho anh S vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, thời gian tất toán cả lãi và vốn là 02 tháng kể từ ngày xác lập hợp đồng. Khi nhận tiền anh Mã Văn S tự tay viết biên nhận ghi rõ các thỏa thuận như trên có sự chứng kiến của anh Trần Văn L.

Sau hai tháng như thỏa thuận anh Mã Văn S chỉ thanh toán tiền lãi là 6.000.000 đồng, còn tiền vốn thì chưa trả. Mặc dù chị L đã nhiều lần yêu cầu anh S trả nợ nhưng anh S chẳng những không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận, mà còn có thái độ xúc phạm, thách thức nên hai bên không thể thương lượng được.

Do đó, chị Trần Mộng L khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Mã Văn S phải trả cho chị L số tiền vốn là 100.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi.

Ngoài ra, chị Trần Mộng L không còn yêu cầu gì khác.

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là Bản sao Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị Trần Mộng L; Bản photocopy Biên nhận, lập ngày 05/12/2018.

* Đối với bị đơn quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Mã Văn S nhưng anh S đã không thực hiện quyền của mình để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Mộng L. Anh Mã Văn S vắng mặt, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải. Mặc dù, tại biên bản giao nhận văn bản tố tụng về việc thông báo kết quả phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, ngày 16/12/2020 anh Mã Văn S đã trực tiếp ký nhận nhưng cũng không có ý kiến phản hồi. Đồng thời, tại phiên tòa ngày 27/5/2021 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bị đơn S vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà Mã Thị Thùy T trình bày:* Vào ngày 05/12/2018, chị T và chồng là anh Trần Văn L trực tiếp chứng kiến việc vay nợ số tiền 100.000.000 đồng giữa chị Trần Mộng L và anh Mã Văn S, khi đó cả hai bên đều nhờ chồng chị là anh Trần Văn L ký tên vào biên nhận với tư cách là người làm chứng. Tuy nhiên, hiện nay anh Trần Văn L đi làm ăn xa không về được theo giấy triệu tập của Tòa nên chị trình bày sự việc nêu trên và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

* Tại bản án sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26,

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Mộng L đối với bị đơn anh Mã Văn S về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Mã Văn S có nghĩa vụ trả cho chị Trần Mộng L tổng số tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 14/7/2021, bị đơn anh Mã Văn S có đơn kháng cáo với nội dung là yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 24/2021/DS-ST, ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Trần Mộng L không rút đơn khởi kiện; bị đơn anh Mã Văn S giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Mã Văn S và áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn anh Mã Văn S là đúng theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định.

Về nội dung vụ án:

[2] Xét kháng cáo của anh Mã Văn S, thấy rằng:

[2.1] Chị Trần Mộng L khởi kiện yêu cầu anh Mã Văn S trả số tiền 100.000.000 đồng. Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Biên nhận đề ngày 05 tháng 12 năm 2008 có nội dung: “Tôi có mượn tiền của chị Trần Mộng L, sinh năm 1984, cư ngụ ấp K, xã H, C, Sóc Trăng số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), lãi 06%/tháng. Hẹn 2 tháng sau tôi sẽ thanh toán dứt điểm cho chị Lan. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và chị L, anh S và người làm chứng là anh Trần Văn L đều ký tên”.

[2.2] Đối với bị đơn anh S:

[2.2.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 183/TB-TLVA, ngày 9/11/2020 và chính anh Mã Văn S đã ký nhận Thông báo trên cùng ngày 09/11/2020, nhưng anh S không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn là chị Trần Mộng L và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có) theo quy định tại các Điều 199 và Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2.2] Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải ngày 13/11/2020 và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải ngày 03/12/2020 và chính anh S đã ký nhận, nhưng cả hai lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì cả hai lần anh S đều vắng mặt không có lý do.

Đến ngày 16/12/2020, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì chính anh S ký tên nhận văn bản tố tụng, nhưng anh S cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với kết quả phiên họp.

[2.2.3] Ngày 19/3/2021, Tòa án nhân dân thị xã C Thông báo số 45/2021/TB về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ là Biên bản lấy lời khai đối với bà Mã Thị Thu T, ngày 19/3/2021 và thông báo cho chị L và anh S biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, khi Tòa án tổng đạt văn bản trên thì anh S từ chối nhận văn bản.

[2.2.4] Ngày 7/5/2021, Tòa án nhân dân thị xã C Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-DS, giữa nguyên đơn chị Trần Mộng L với bị đơn anh Mã Văn S, Giấy triệu tập đương sự số 128/GTT-TA ngày 7/5/2021 cho anh S, ấn định thời gian mở phiên tòa ngày 27/5/2021 và cùng ngày Tòa án giao hai văn bản trên nhưng anh S từ chối nhận, nên Tòa án lập biên bản về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng.

[2.2.5] Ngày 27/5/2021, Tòa án nhân dân thị xã C Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-DS, giữa nguyên đơn chị Trần Mộng L với bị đơn anh Mã Văn S, Giấy triệu tập đương sự số 131/GTT-TA ngày 27/5/2021 cho anh S, ấn định thời gian mở phiên tòa ngày 15/6/2021 và ngày 28/5/2021, Tòa án giao hai văn bản trên nhưng anh S từ chối nhận, nên Tòa án lập biên bản về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử ngày 15/6/2021 là đúng theo quy định của pháp luật.

[2.2.6] Ngày 15/03/2020, Tòa án nhân dân thị xã C kết hợp với Ban nhân áp T đến gặp anh S để tiến hành lấy lời khai, nhưng anh S không đồng ý cho Tòa án lấy lời khai tại nhà mà sẽ trình bày tại Tòa án.

[2.3] Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2021, anh S thừa nhận có làm biên nhận nợ chị L số tiền là 100.000.000 đồng là nhận nợ thay cho người bạn và có đóng lãi được hai tháng, việc anh S cho rằng nhận nợ thay và đóng lãi cho chị L được hai tháng, chị L không thừa nhận việc anh S nhận nợ thay và đóng lãi được một tháng chứ không phải hai tháng, nhưng anh S cũng không có chứng cứ để chứng minh việc nhận nợ thay và đóng lãi cho chị L được hai tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh S cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp.

[3] Từ những phân tích ở các mục [2.1] đến mục [2.3], Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh S và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh S là người kháng cáo không được chấp nhận, anh cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn anh Mã Văn S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Mộng L đối với bị đơn anh Mã Văn S về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Mã Văn S có nghĩa vụ trả cho chị Trần Mộng L tổng số tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị L có đơn yêu cầu thi hành án, anh Mã Văn S phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn anh Mã Văn S phải chịu là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Nguyên đơn chị Trần Mộng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị Trần Mộng L tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006405 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Mã Văn S phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002154 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh S đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Lưu HSSA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Văn Phụng